TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH** Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST Ngày: 17-01-2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung giữa chị N và anh T	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà;

Ông Nguyễn Thế Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

N đơn: Chị Hoàng Hạnh N, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1994; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 5, phân trại số 3 - Cục C10 Bộ Công an, địa chỉ xã Y, huyện Y, tỉnh T.

(Chị N, anh T đều xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18-11-2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Hoàng Hạnh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Hạnh N đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ HKTT: xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 28-6-2017 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh B trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc

đến tháng 4/2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, do tính tình không hợp. Anh T chơi bời, không tu trí làm ăn và đã vướng vào tệ nạn xã hội. Khoảng tháng 10/2024 anh T đã bị Toà án nhân dân huyện T1, tỉnh Nam Định xét xử về hành vi liên quan đến ma tuý. Hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 5, phân trại số 3 - Cục C10 Bộ Công an, địa chỉ: huyện Y, tỉnh T. Từ tháng 5-2021 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại B để sinh sống và làm việc, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị N làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng có 01 con chung là: Phạm Hoàng A, sinh ngày 21-01-2018 hiện nay con chung đang ở cùng với chị N và bố mẹ đẻ chị N tại B. Nay ly hôn chị N đề nghị được tiếp tục nuôi con chung cháu Phạm Hoàng A và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị N làm kinh doanh tự do thu nhập hàng tháng khoảng 10 - 12 triệu đồng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Phạm Văn T có xác nhận của Trại giam số 5 – Cục C10 Bộ Công an ngày 13-12-2024, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: anh và chị N kết hôn với nhau vào ngày 02/07/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự nguyện. Theo anh T, vợ chồng chung sống được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời. Từ năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân. Đến ngày 27-05-2024 anh T bị bắt giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện anh T đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 3, Trại giam số 5 - Cục C10 Bộ Công an, địa chỉ: huyện Y, tỉnh T. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh, anh T nhất trí.

Về con chung: Anh T thống nhất với lời khai của chị N vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 21-01-2018 hiện nay con chung đang ở cùng với chị N và bố mẹ đẻ chị N tại B. Nay ly hôn chị N đề nghị được tiếp tục nuôi con chung anh T nhất trí vì hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù. Sau này khi chấp hành án xong anh sẽ nhận nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T có lời khai thống nhất với lời khai của chị N, vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của anh T có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân xã T: Đại diện Ủy ban nhân dân xã T cho biết anh Phạm Văn T, sinh năm 1994, có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Anh Phạm Văn T và chị Hoàng Hạnh N không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N. Quá trình chung sống anh T và chị N mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ do các đương sự không thông qua hòa giải tại cơ sở.

Chị N và anh T có đơn và có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Hạnh N và anh Phạm Văn T.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 21-01-2018 cho chị Hoàng Hạnh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Hạnh N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Hoàng Hạnh N và anh Phạm Văn T đều có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Hạnh N và anh Phạm Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh B đăng ký kết hôn ngày 28-6-2017. Phía anh T trình bày anh và chị N kết hôn với nhau vào ngày 02/07/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Tuy nhiên qua xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện Anh Phạm Văn T và chị Hoàng Hạnh N không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hoà thuận hạnh phúc. N nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh T không tu trí làm ăn và còn chơi bời. Hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù tại: tại Trại giam số 5, phân trại số 3 - Cục C10 Bộ Công an, địa chỉ: huyện Y, tỉnh T. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh T cũng nhất trí ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là trầm trọng, cuộc sống chung không còn hòa hợp, hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay nhưng chị N, anh T không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, chị đề nghị cho chị được ly hôn anh T. Theo anh T quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc và đã ly thân N nhân do anh chơi bời. Hiện anh đang phải chấp hành án phạt tù trong trại giam, chị N có đơn đề nghị được ly hôn anh, anh cũng nhất trí. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 21-01-2018, hiện nay con chung đang ở cùng chị N và bố mẹ đẻ chị N. Khi ly hôn, chị N đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay chị làm kinh doanh tự do thu nhập hàng tháng khoảng 10 - 12 triệu đồng. Anh T cũng nhất trí để chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét điều kiện hoàn cảnh và nguyện vọng của hai bên hiện nay thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung vẫn do chị N nuôi dưỡng. Anh T hiện đang phải chấp hành hình phạt tù không có đủ điều kiện nuôi con chung nên anh nhất trí để con cho chị N tiếp tục chăm sóc theo nguyện vọng của chị và cũng phù hợp với ý kiến của cháu Phạm Hoàng Anh có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Ngoài ra, chị N có đơn đề nghị có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh B nơi chị N cư trú, hiện chị đang nuôi con sức khỏe tốt và học hành đảm bảo. Về trách nhiệm cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, phía anh T không có ý kiến gì nên về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Vì vậy, cần giao cháu Phạm Hoàng Anh cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N (do chị N không yêu cầu), hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung:* Chị N và anh T xác nhận không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Hoàng Hạnh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Hạnh N và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng A, sinh ngày 21-01-2018 cho chị Hoàng Hạnh N nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung thành niên (hiện nay con chung đang ở cùng chị N). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hoàng Hạnh N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005233 ngày 28-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: N đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện +tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hà **Nguyễn Thế Bình**